

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 516/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông LTH, sinh năm 1982; thường trú: Ấp TT, thị trấn BT, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: 31/5 khu phố HL, phường LT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bà THS, sinh năm 1980; thường trú: 12/51A A7, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 31/5 khu phố HL, phường LT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông LTH và bà THS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TPH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Đến nay cuộc sống vợ chồng trở nên ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H và bà S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Trong quá trình chung sống, ông H và bà S có 02 con chung tên LPV, sinh ngày 13/10/2010 và LNH, sinh ngày 15/3/2016. Ông H và bà S thống nhất:

Sau khi ly hôn, bà THS sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng 6.000.000 đồng/02 con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định cho hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Ông H và bà S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông H và bà S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông LTH và bà THS.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên LPV, sinh ngày 13/10/2010 và LNH, sinh ngày 15/3/2016 cho bà THS trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng 6.000.000 đồng/02 con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định cho hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông LTH và bà THS chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035094 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (GCN ĐKKH số 330, quyền số II, ngày 29/6/2009);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhâm